



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

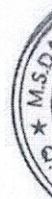
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 24

028  
ÔNG  
Ổ P  
IẾT  
NH  
U-T









**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH**  
Số 1A, Đường Hoàng Diệu, Phường Hoa Lư  
Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vũ Quốc Trung**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

T.C.P  
\*  
NH

12  
NG  
NH  
AT  
O  
T  
A



Số: 0220 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025 từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thiếu chờ xử lý với số tiền là 42.057.247.323 đồng liên quan đến số lượng than cám thiếu hụt là 14.917,51 tấn sau kiểm kê. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng thu hồi của khoản mục này vì Ban Tổng Giám đốc Công ty đang trong quá trình xác minh nguyên nhân chênh lệch, dẫn đến việc chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tại ngày báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang trong quá trình xác minh nguyên nhân chênh lệch này. Với các thông tin hiện có, chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi của khoản mục này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty hay không.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Quang Trung**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>293.449.579.239</b>	<b>369.881.586.665</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>10.143.635.849</b>	<b>24.953.699.806</b>
1. Tiền	111		10.143.635.849	14.953.699.806
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>146.741.600.828</b>	<b>128.374.704.299</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	104.454.110.338	85.937.525.187
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		78.500.000	51.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		151.743.167	328.931.789
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	6	42.057.247.323	42.057.247.323
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>119.824.542.048</b>	<b>187.844.440.463</b>
1. Hàng tồn kho	141		119.824.542.048	187.844.440.463
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.739.800.514</b>	<b>28.708.742.097</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	839.439.032	427.752.999
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.097.037.174	27.477.664.790
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	803.324.308	803.324.308
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>97.595.035.360</b>	<b>105.805.754.167</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>84.465.424.280</b>	<b>92.967.908.020</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	84.465.424.280	92.967.908.020
- Nguyên giá	222		603.861.351.956	603.861.351.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(519.395.927.676)	(510.893.443.936)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		996.450.000	996.450.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(996.450.000)	(996.450.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>217.527.916</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	217.527.916	-
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.412.083.164</b>	<b>10.337.846.147</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.185.918.658	1.111.681.641
2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12	9.226.164.506	9.226.164.506
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>391.044.614.599</b>	<b>475.687.340.832</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>152.975.980.953</b>	<b>247.832.514.179</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>152.975.980.953</b>	<b>247.832.514.179</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	128.496.662.720	231.736.609.779
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	29.814.775	193.109.631
3. Phải trả người lao động	314		7.013.538.761	11.885.907.753
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		982.307.782	312.262.427
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	2.073.620.399	3.487.898.073
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	14.281.560.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	98.476.516	216.726.516
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>238.068.633.646</b>	<b>227.854.826.653</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>238.068.633.646</b>	<b>227.854.826.653</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		128.655.000.000	128.655.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		110.067.464.979	110.067.464.979
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.242.130.677	2.242.130.677
4. Lỗ lũy kế sau thuế	421		(2.895.962.010)	(13.109.769.003)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(13.109.769.003)	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/(Lỗ) năm trước	421b		10.213.806.993	(13.109.769.003)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>391.044.614.599</b>	<b>475.687.340.832</b>



Bùi Thị Hạnh  
Người lập biểu



Lương Thị Thúy  
Kế toán trưởng





Vũ Quốc Trung  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

3389-  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
NHIỆT ĐIỆN  
NINH BÌNH

001  
CỔ  
T  
IÊN  
LI  
IÊN  
Đ



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	01		164.807.892.331	780.682.256.013
2. Doanh thu thuần (10=01)	10	20	164.807.892.331	780.682.256.013
3. Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11	21	139.640.517.745	761.952.364.148
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		25.167.374.586	18.729.891.865
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7.344.988	91.729.487
6. Chi phí tài chính	22		-	2.133.358.740
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2.133.358.740
7. Chi phí bán hàng	25		44.233.000	83.172.950
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	14.916.679.581	15.084.966.633
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		10.213.806.993	1.520.123.029
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30)	50		10.213.806.993	1.520.123.029
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	328.454.206
12. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		10.213.806.993	1.191.668.823
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	794	93

Bùi Thị Hạnh  
Người lập biểu

Lương Thị Thúy  
Kế toán trưởng

Vũ Quốc Trung  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2025



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.213.806.993	1.520.123.029
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.502.483.740	8.708.555.434
Các khoản dự phòng	03	14.281.560.000	10.759.205.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.344.988)	(91.729.487)
Chi phí lãi vay	06	-	2.133.358.740
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.990.505.745	23.029.512.716
Thay đổi các khoản phải thu	09	(5.986.268.913)	(223.868.024.216)
Thay đổi hàng tồn kho	10	67.952.315.799	(59.862.999.564)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(108.339.473.401)	187.418.361.514
Thay đổi chi phí trả trước	12	(485.923.050)	893.017.228
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(2.056.367.052)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(1.832.951.139)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	505.200.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(118.250.000)	(2.776.301.910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.987.093.820)	(78.550.552.423)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(816.400.000)	(107.590.783)
2. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.344.988	91.729.487
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(809.055.012)	(15.861.296)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	109.918.997.459
2. Tiền trả gốc nợ vay	34	-	(29.816.779.550)
3. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.915.125)	(32.794.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.915.125)	80.069.423.909
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(14.810.063.957)	1.503.010.190
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.953.699.806	10.801.792.352
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	10.143.635.849	12.304.802.542

Bùi Thị Hạnh  
Người lập biểu

Lương Thị Thúy  
Kế toán trưởng

Vũ Quốc Trung  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2025



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 0421/QĐ-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ Công thương và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2700283389 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 6 ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") từ ngày 06 tháng 8 năm 2009 theo Công văn số 1323/TB-TTLK ngày 21 tháng 7 năm 2009 của HNX với mã giao dịch cổ phiếu là "NBP".

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 350 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 355 người).

**Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị cơ, nhiệt, điện, công trình kiến trúc nhà máy điện; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy điện; mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý các dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng; đầu tư xây dựng các công trình nguồn điện và lưới điện; kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về thông tin so sánh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



Căn cứ theo Kết luận Hội nghị làm việc của Ủy ban Nhân dân ("UBND") Tỉnh Ninh Bình với Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN"), công ty mẹ cấp cao nhất, ngày 28 tháng 6 năm 2022, UBND Tỉnh Ninh Bình có đề nghị Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình, dự án nhiệt điện Công ty đang vận hành, cần có lộ trình dừng vận hành để thực hiện quy hoạch chung đô thị Ninh Bình cho giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trước đề nghị nêu trên của UBND Tỉnh Ninh Bình, EVN đã có Văn bản số 6349/EVN-KH ngày 06 tháng 11 năm 2022 gửi Văn phòng Chính phủ trong đó có trình bày kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xin phê duyệt để Công ty thực hiện dự án điện khí LNG, hoặc dự án năng lượng sạch tại vị trí khác trên địa bàn tỉnh, thay thế cho Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình hiện hữu.

Theo Công văn số 255/NBTPC-KT ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Công ty gửi UBND tỉnh Ninh Bình về việc đề nghị UBND Tỉnh Ninh Bình ủng hộ phát triển dự án điện khí linh hoạt (ICE) với công suất 300 MW tại tỉnh Ninh Bình, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình đã xúc tiến tìm kiếm các đối tác và nhà đầu tư để đầu tư vào dự án. UBND tỉnh Ninh Bình đã có Văn bản số 1001/UBND-VP4 ngày 04 tháng 10 năm 2023 đồng ý chủ trương bổ sung nội dung xây dựng nhà máy điện khí linh hoạt (ICE) công suất 300MW vào Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045. UBND tỉnh Ninh Bình cũng đã có Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 kèm theo bản dự thảo Quy hoạch tỉnh Ninh Bình gửi Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó đã đưa dự án nhà máy điện khí linh hoạt (ICE) công suất 300 MW vào Quy hoạch của tỉnh Ninh Bình. Theo đó, Thủ tướng Chính Phủ đã có Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kèm phụ lục VIII về phương án phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh Ninh Bình, trong đó có Dự án nhà máy điện khí linh hoạt.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty sẽ tiếp tục vận hành Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình cho đến khi có quyết định và lộ trình dừng vận hành chính thức, trong quá trình đó Công ty đang lập kế hoạch để triển khai xây dựng nhà máy điện khí linh hoạt (ICE) với công suất 300MW. Do đó, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động bình thường trong ít nhất 12 tháng tới và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được lập trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Các khoản đầu tư tài chính

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 10



Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Thuê tài sản**

##### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Tài sản vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy và các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và có thời hạn phân bổ trong vòng một năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

#### **Chi phí phải trả**

Khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ và chứng từ kế toán nhưng đã được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty cung cấp dịch vụ phụ trợ cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Lệnh điều độ và phù hợp với Quy định hệ thống điện truyền tải do Bộ Công thương ban hành theo Hợp đồng Cung cấp dịch vụ phụ trợ Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình số 01/2020/DVPT/NMNĐNB-EVN ngày 29 tháng 6 năm 2020, các Hợp đồng sửa đổi bổ sung và Hợp đồng Cung cấp dịch vụ phụ trợ Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình số 01/2025/DVPT/NMNĐNB-EVN ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ được ghi nhận hàng tháng bao gồm doanh thu điện theo giá cố định; doanh thu điện theo giá biến đổi; doanh thu điện khởi động và các khoản khác. Trong đó:

- Doanh thu điện theo giá cố định được xác định dựa trên Công suất khả dụng thực hiện và đơn giá cố định.
- Doanh thu điện theo giá biến đổi được xác định dựa trên giá biến đổi và sản lượng điện năng giao nhận hàng tháng.
- Doanh thu điện khởi động được xác định dựa trên giá nhiên liệu khởi động (than, dầu DO), định mức điện năng tự dùng để khởi động, giá điện mua từ hệ thống điện để khởi động và số lần khởi động của các tổ máy trong tháng.
- Các khoản khác gồm các khoản như phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước và doanh thu chạy không tải.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



### **Phân phối quỹ và phân chia cổ tức**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thường Ban điều hành; Quỹ đầu tư và phát triển và khoản chia cổ tức cho các Cổ đông được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo Điều lệ và đề xuất của Hội đồng Quản trị của Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác nắm giữ bởi chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	151.255.361	1.494.588.191
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.992.380.488	13.459.111.615
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	<b>10.143.635.849</b>	<b>24.953.699.806</b>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các đối tượng bên ngoài	-	322.879.273
Các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	104.454.110.338	85.614.645.914
	<b>104.454.110.338</b>	<b>85.937.525.187</b>

6. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản thiếu chờ xử lý là số lượng than cám thiếu sau kiểm kê chưa xác định được nguyên nhân với tổng khối lượng là 14.917,51 tấn với số tiền là 42.057.247.323 đồng, được xác định dựa trên "Chứng thư giám định về khối lượng" do Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol thực hiện giám định và đánh giá của Hội đồng kiểm kê tài sản của Công ty. Tại ngày báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang trong quá trình xác minh nguyên nhân chênh lệch này.

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nguyên liệu, vật liệu	119.118.691.161	187.356.328.067
Công cụ, dụng cụ	490.846.978	203.993.356
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.161.771	17.102.848
Thành phẩm	197.842.138	267.016.192
	<b>119.824.542.048</b>	<b>187.844.440.463</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho nào cần phải trích lập.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	93.184.000	245.081.900
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	13.190.833	43.377.499
Chi phí trả trước khác	733.064.199	139.293.600
	<b>839.439.032</b>	<b>427.752.999</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Giấy phép môi trường	474.370.400	523.443.200
Hệ thống quan trắc Online	61.273.483	183.820.453
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	139.514.574	199.476.788
Chi phí trả trước khác	510.760.201	204.941.200
	<b>1.185.918.658</b>	<b>1.111.681.641</b>

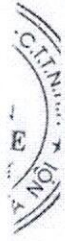
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

9. TĂNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	84.683.723.895	475.296.916.680	19.431.142.851	24.449.568.530	603.861.351.956
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	83.794.432.390	389.849.870.357	17.911.937.356	19.337.203.833	510.893.443.936
Khấu hao trong kỳ	57.997.278	7.391.875.812	206.311.226	846.299.424	8.502.483.740
Số dư cuối kỳ	83.852.429.668	397.241.746.169	18.118.248.582	20.183.503.257	519.395.927.676
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	889.291.505	85.447.046.323	1.519.205.495	5.112.364.697	92.967.908.020
Số dư cuối kỳ	831.294.227	78.055.170.511	1.312.894.269	4.266.065.273	84.465.424.280

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 441.465.245.475 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 440.629.063.657 đồng).





**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí vật liệu và chi phí nhân công thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến các công việc sửa chữa lớn và bảo dưỡng tài sản cố định.

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	<u>2.500.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>

Tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc với tỷ lệ sở hữu là 2,08%. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính giữa niên độ vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**12. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN**

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá) của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
	<u>Giá trị/ Số có</u> <u>khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị/ Số có</u> <u>khả năng trả nợ</u>
<b>a. Các đối tượng bên ngoài</b>	<b>127.136.436.524</b>	<b>230.185.701.699</b>
Tổng Công ty Đông Bắc	123.484.573.397	208.484.573.397
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	19.659.752.876
Khác	3.651.863.127	2.041.375.426
<b>b. Các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)</b>	<b>1.360.226.196</b>	<b>1.550.908.080</b>
	<u>128.496.662.720</u>	<u>231.736.609.779</u>

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã căn trừ trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
<b>a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	500.000.000	-	-	500.000.000
Thuế giá trị gia tăng	303.324.308	-	-	303.324.308
	<b>803.324.308</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>803.324.308</b>
<b>b. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	19.450.716	601.528.630	592.137.462	28.841.884
Thuế tài nguyên	173.658.915	308.514.015	481.200.039	972.891
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.244.610.350	2.244.610.350	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	738.188.000	738.188.000	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>193.109.631</b>	<b>3.895.840.995</b>	<b>4.059.135.851</b>	<b>29.814.775</b>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Cổ tức phải trả	1.712.864.354	1.726.779.479
Khác	360.756.045	1.761.118.594
	<b>2.073.620.399</b>	<b>3.487.898.073</b>

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã trích lập khoản dự phòng phải trả ngắn hạn cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ theo kế hoạch năm.

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 VND
Số dư đầu kỳ	216.726.516	435.615.830
Tăng trong kỳ	-	2.882.177.396
- Trích lập quỹ	-	2.206.477.396
- Khác	-	675.700.000
Giảm trong kỳ	(118.250.000)	(3.101.066.710)
- Sử dụng quỹ	(118.250.000)	(3.101.066.710)
Số dư cuối kỳ	<b>98.476.516</b>	<b>216.726.516</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2025	31/12/2024
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
	%	%
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần	7.045.440	7.045.440
Công ty Cổ phần Năng lượng REE	-	3.789.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thuận Hải	3.806.700	-
Khác	2.013.360	2.030.660
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.865.500	12.865.500
	100,00	100,00
		15,79
		54,76
		29,45

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cổ định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024</b>					
Lỗ trong năm	128.655.000.000	109.251.064.979	3.058.530.677	8.639.227.396	249.603.823.052
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(13.109.769.003)	(13.109.769.003)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	816.400.000	(816.400.000)	-	-
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	(2.206.477.396)	(2.206.477.396)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>					
Lợi nhuận trong kỳ	128.655.000.000	110.067.464.979	2.242.130.677	(13.109.769.003)	227.854.826.653
<b>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025</b>					
	128.655.000.000	110.067.464.979	2.242.130.677	10.213.806.993	10.213.806.993
				(2.895.962.010)	238.068.633.646



**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ cũng như các kỳ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 và từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu thuần về bán điện	162.367.495.695	777.445.932.231
Doanh thu thuần về bán hàng, cho thuê và cung cấp dịch vụ khác	2.440.396.636	3.236.323.782
	<b>164.807.892.331</b>	<b>780.682.256.013</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn điện bán	138.126.017.612	759.831.772.879
Giá vốn hàng hóa bán, cho thuê và dịch vụ khác cung cấp	1.514.500.133	2.120.591.269
	<b>139.640.517.745</b>	<b>761.952.364.148</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nhiên liệu và vật tư	73.127.013.560	695.886.973.702
Chi phí nhân công	46.071.509.580	43.513.100.381
Chi phí sửa chữa lớn	15.008.481.414	10.759.205.000
Chi phí khấu hao	8.502.483.740	8.708.555.434
Các khoản dịch vụ mua ngoài	2.719.002.106	1.709.316.561
Chi phí bằng tiền khác	9.172.939.926	16.543.352.653
	<b>154.601.430.326</b>	<b>777.120.503.731</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	8.104.113.248	6.042.555.799
Thuế và các khoản lệ phí	2.258.374.168	2.310.482.259
Dịch vụ mua ngoài (*)	761.558.497	631.608.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	331.283.048	470.583.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	99.262.424	317.915.402
Chi phí bằng tiền khác	3.362.088.196	5.311.822.070
	<b>14.916.679.581</b>	<b>15.084.966.633</b>

(\*) Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2025 là 150.000.000 đồng.



24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	10.213.806.993	1.520.123.029
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(75.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	434.400.000	197.148.000
Lỗ năm trước mang sang	(10.648.206.993)	-
Thu nhập tính thuế	-	1.642.271.029
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	328.454.206

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập từ các hoạt động kinh doanh theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với lỗ tính thuế và khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ thuế này không được ghi nhận do sự không chắc chắn có đủ thu nhập tính thuế trong tương lai để sử dụng.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác trong năm vì không có các chênh lệch đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

Các khoản lỗ tính mang sang trong vòng năm năm liền kề kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ tính thuế. Các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Năm phát sinh	Năm hết hạn	Lỗ tính thuế (VND)	Số lỗ đã chuyển đến ngày 30/06/2025 (VND)	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 30/06/2025 (VND)
2024	2029	11.521.249.220	10.648.206.993	873.042.227

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	10.213.806.993	1.191.668.823
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.213.806.993	1.191.668.823
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	12.865.500	12.865.500
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	794	93

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính 2025 do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ thay đổi.



26. CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	2.244.610.350	2.244.610.350

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dưới 1 năm	4.489.220.700	4.489.220.700
Từ 2 đến 5 năm	17.956.882.800	17.956.882.800
Trên 5 năm	70.971.542.536	73.197.704.034
	<b>93.417.646.036</b>	<b>95.643.807.534</b>

- Tổng số tiền thuê 139.419,4 m<sup>2</sup> tại phường Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình với giá thuê 17.335 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất số 32/HĐ-TĐ19/09/2011 được ký với thời hạn 34 năm tính từ năm 2011.
- Tổng số tiền thuê 58.054,4 m<sup>2</sup> tại phường Bích Đào, tỉnh Ninh Bình với giá thuê 12.720 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất số 241/HĐ-TĐ29/05/2001 được ký với thời hạn 45 năm tính từ năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 39.122,5 m<sup>2</sup> tại phường Bích Đào, tỉnh Ninh Bình với giá thuê 12.720 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất số 423/HĐ-TĐ25/10/2001 được ký với thời hạn 45 năm tính từ năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 8.154 m<sup>2</sup> tại phường Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình với giá thuê 92.266 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất số 45/HĐ-TĐ20/11/1997 được ký với thời hạn 49 năm tính từ năm 1996.
- Tổng số tiền thuê 5.077,3 m<sup>2</sup> tại phường Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình với giá thuê 16.536 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất số 32/HĐ-TĐ19/09/2011 được ký với thời hạn 34 năm tính từ năm 2011.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam  
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần  
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thuận Hải  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc  
Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát,  
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ cấp cao nhất  
Công ty mẹ  
Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất  
Cổ đông lớn  
Bên liên quan khác  
Người nội bộ



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	162.367.495.695	777.445.932.231
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.227.410.569	151.645.844
<b>Lợi nhuận, cổ tức nhận được trong kỳ</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	-	75.000.000

Tổng thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty được hưởng trong kỳ như sau:

		<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Chủ tịch HĐQT	37.908.000	37.908.000
Ông Lê Đức Chấn	Thành viên HĐQT	32.292.000	32.292.000
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025)	-	32.292.000
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025)	-	32.292.000
Ông Nguyễn Quốc Mến	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025)	13.455.000	-
Ông Nguyễn Xuân Đức	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025)	13.455.000	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Vũ Quốc Trung	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2024)	165.402.800	184.356.000
Ông Trịnh Văn Đoàn	Tổng Giám đốc (nghỉ chế độ ngày 01 tháng 11 năm 2024)	-	208.090.500
Ông Đường Xuân Hồng	Phó Tổng Giám đốc	147.484.800	184.356.000
Ông Đỗ Việt Hòa	Phó Tổng Giám đốc	147.484.800	184.356.000
Ông Lý Tư Trí	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2025)	16.146.000	-
<b>Các bên khác</b>			
Bà Lương Thị Thúy	Kế toán trưởng	135.183.200	168.979.000
Bà Phạm Thị Thanh Bình	Trưởng Ban Kiểm soát	134.784.000	191.781.500
Bà Vũ Thị Thanh Hải	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025)	18.837.000	32.292.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025)	-	32.292.000
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025)	13.455.000	-
Ông Bạch Minh Tú	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2025)	13.455.000	-
		<b>889.342.600</b>	<b>1.321.287.000</b>



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	104.454.110.338	85.614.645.914
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.050.044.580	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	310.181.616	1.550.908.080
	<b>1.360.226.196</b>	<b>1.550.908.080</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	441.536.241	173.534.746

28. NGHĨA VỤ HOÀN NGUYÊN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án của các nhà máy điện. Theo các quy định có liên quan việc trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường phải được thực hiện theo cơ chế chính sách áp dụng cho từng ngành nghề, từng đơn vị. Công ty chưa ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì đây là lĩnh vực kỹ thuật phức tạp và liên quan đến tính toán giá thành điện. Theo đó Công ty mẹ đang trao đổi với Tập đoàn để có hướng dẫn cụ thể hơn; đồng thời theo dõi các cập nhật về cơ chế chính sách về dự phòng hoàn nguyên áp dụng cho lĩnh vực sản xuất điện trong việc ước tính giá trị của nghĩa vụ này.

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Chi phí mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong kỳ bao gồm số tiền chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 mà đã thanh toán trong năm nay là 816.400.000 đồng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm số tiền chưa thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 1.712.864.354 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2024: 1.726.779.479 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu.



Bùi Thị Hạnh  
Người lập biểu



Lương Thị Thúy  
Kế toán trưởng



Vũ Quốc Trung  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2025